

Số: 136/CPNT2-TCNSĐT
“V/v: Gửi Báo cáo thường niên năm 2013”

Nhơn Trạch, ngày 18.. tháng 03 năm 2014

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Trụ sở chính : Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Điện thoại : 0612 225893 Fax: 0162 225897

Người thực hiện CBTT: Trịnh Quốc Thắng

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại di động: 093 8855809; Điện thoại cơ quan: 0612 225899; Fax: 0612.225897; E-mail: trinhthang@pvnt2.com.vn;

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: (Theo yêu cầu công bố thông tin định kỳ tại công văn số 157/SGDHN-QLNY ngày 20/02/2014 của Sở GDCK Hà Nội):

- Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 xin gửi đến quý cơ quan Báo cáo thường niên năm 2013 của Công ty (đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

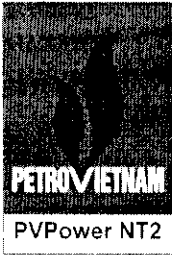
Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.HDQT; GD
- Lưu VT; PT. CBTT

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**



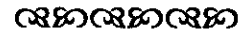
Trịnh Quốc Thắng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT STOCK COMPANY

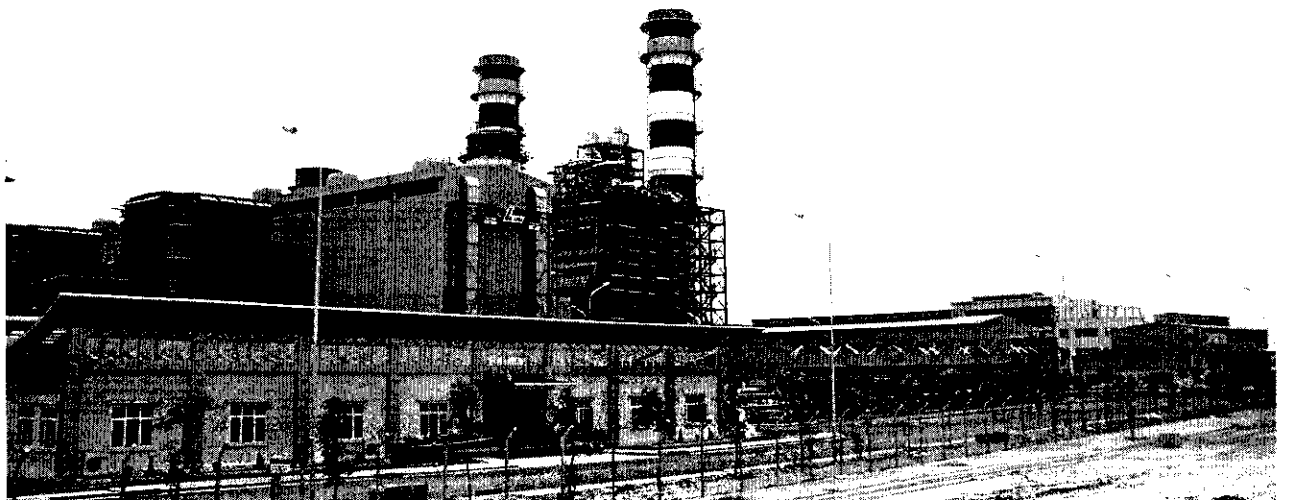
PVPOWER NT2



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2013

PVPOWER NT2



NHON TRẠCH, THÁNG 03 NĂM 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 3600897316 đăng ký lần đầu ngày 20/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 12/09/2012
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.560 tỷ đồng
- Trụ sở chính : Xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
- Điện thoại : 0612 225893 Fax: 0162 225897
- Website : www.pvpnt2.com
- Mã cổ phiếu : NT2
- **Niêm yết:**
 - Số lượng cổ phiếu lưu hành: 256.000.000 cổ phiếu
 - Sàn : UPCOM
 - Ngày niêm yết : 22/01/2010
 - Vốn điều lệ hiện tại : 2.560.000.000.000 đồng

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1 Các mốc sự kiện chính: Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Sau đây gọi là "Công ty")

- Ngày 15/06/2007: Thành lập Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2:
 - + Trụ sở chính: Xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
 - + Vốn điều lệ 2.560 tỷ VNĐ,
 - + Công ty được thành lập, để làm Chủ đầu tư và vận hành khai thác Nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, công suất 750 MW.
- Ngày 20/06/2007, Sở Kế hoạch Đầu tư Đồng Nai cấp Giấy phép kinh doanh số 4703000396.
- Ngày 29/04/2009, ký kết hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- Ngày 27/6/2009, đồng chí Nguyễn Minh Triết - nguyên Chủ tịch nước chính thức phát lệnh khởi công xây dựng công trình dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- Ngày 06/04/2010 Ký Hợp đồng Mua bán khí Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- Ngày 26/12/2010, Hòa đồng bộ phát điện lần đầu thành công tổ máy tuabin khí số 1 (GT11) lên lưới điện quốc gia.
- Ngày 31/12/2010 CTHĐQT Lê Tụ hiều, Giám đốc Hoàng Xuân Quốc được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương lao động Hạng Ba.
- Ngày 21/02/2011, Tổ máy tuabin khí – máy phát số 01 (GT11) công suất 250 MW, bắt đầu chính thức đưa vào vận hành thương mại, vượt tiến độ 7 ngày.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Ngày 07/03/2011, Tổ máy tuabin khí – máy phát số 02 (GT12) công suất 250 MW được đưa vào vận hành thương mại chính thức, vượt tiến độ 24 ngày.
- Ngày 13/08/2011 Vận hành thương mại Tuabin hơi- Máy phát ST10 – vượt tiến độ 07 ngày.
- Ngày 14/09/2011 Ký kết Hợp đồng bảo trì dài hạn nhà máy.
- Ngày 16/10/2011, toàn bộ Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã hoàn thành toàn bộ công tác xây dựng và chính thức đi vào vận hành thương mại vượt tiến độ 45 ngày.
- Ngày 12/11/2011, Tổ chức Lễ khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 cấp quốc gia và đón nhận Huân chương Lao động hạng ba do Nhà nước trao tặng cho công ty.
- Năm 2011, PVPowerNT2 đã nhận được 2 giải thưởng quốc tế là “Best ECA Backed Facilities” và “Best Emerging Market Solution” vào năm 2011 cho sự thành công về thu xếp tài chính cho dự án.
- Ngày 02/05/2012 Ký kết Hợp đồng mua bán điện giá tạm tính với EVN.
- Ngày 15/06/2012 kỷ niệm 05 năm ngày thành lập Công ty: 15/06/2007 - 15/06/2012.
- Tháng 10/2012 Tại Hội chợ triển lãm thường niên Điện lực châu Á diễn ra tại Bangkok (Thái Lan), Ban tổ chức hội chợ, Tạp chí Điện lực châu Á đã trao giải thưởng vàng duy nhất “Dự án nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất” cho Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 (Nhà máy điện Nhơn Trạch 2). Đây là giải thưởng có uy tín nhất hàng năm về lĩnh vực điện lực dành cho các công trình, dự án, các nhà máy điện tiêu biểu trên toàn bộ châu Á.
- Ngày 01/10/2012: Đạt mức sản lượng điện 5 tỷ KWh.
- Đến cuối năm 2012, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã phát lên lưới điện quốc gia gần 6,6 tỷ KWh điện, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Riêng trong năm 2012, Nhà máy đã đạt sản lượng điện 4,65 tỷ kWh, vượt 109% kế hoạch năm, tổng doanh thu gần 5.500 tỷ đồng đạt 105% kế hoạch năm, nộp ngân sách nhà nước gần 200 tỷ đồng.
- 15/05/2013 Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên 2013 phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Nhà máy Điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2;
- Ngày 25/09/2013: Đạt mức sản lượng điện 10 tỷ KWh;
- Ngày 04/10/2013, Hoàn tất đàm phán giá điện chính thức Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 với EPTC và ký tất các văn kiện hợp đồng làm cơ sở trình EVN/Cục Điều tiết phê duyệt;
- Ngày 22/11/2013: Hoàn thành kế hoạch về đích trước 40 ngày đảm bảo an toàn tuyệt đối.
- Ngày 31/12/2013 sản lượng điện thực hiện là 4.670 Tr.Kwh đạt 112% so với kế hoạch năm 2013

2.2 Các mốc sự kiện khác:

- Ngày 23/12/2009 Ủy ban chứng khoán Nhà nước có công văn số 2959/UBCK-QLPH chấp thuận Công ty trở thành công ty đại chúng;
- Ngày 29/12/2009 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 126/2009/GCNCP-VSD chấp thuận cho Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán: NT2.
- Ngày 29/12/2009 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) có công văn số 4725/VSD-ĐK thông báo Công ty đã chính thức trở thành tổ chức đăng ký chứng khoán tại VSD;
- Ngày 30/12/2009 Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có Thông báo số 818/TB-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty tại Sở GDCKHN với mã chứng khoán NT2;
- Ngày 22/01/2010, cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom;

2.3 Sức mạnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi:

* **Sức mạnh:** Đảm bảo cung cấp điện năng thương phẩm ổn định, an toàn, hiệu quả và thân thiện với môi trường. Trở thành một đơn vị sản xuất điện đáng tin cậy, với bộ máy chuyên nghiệp, có trình độ và kinh nghiệm, đoàn kết nhất trí; có đóng góp đáng kể vào sự phát triển của thị trường điện Việt Nam; đồng thời tạo ra những giá trị gia tăng bền vững cho khách hàng và cổ đông.

* **Tầm nhìn:** Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 phấn đấu ngày càng trở thành một trong những công ty đứng đầu trong ngành phát điện ở Việt Nam.

Đến nay, nhờ sự quản lý sáng suốt, phương hướng hoạch định đúng đắn của Ban lãnh đạo, Công Ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã đạt được những bước đi vững chắc và đã từng bước khẳng định được vị thế quan trọng của công ty trong hệ thống điện Việt Nam.

* **Giá trị cốt lõi:** Thu hút, duy trì và phát triển những nhân sự, cán bộ tốt nhất; Hành động và làm việc trên tinh thần đoàn kết, hợp tác với các đối tác cũng như với các đồng nghiệp. Tạo dựng và phát triển thương hiệu, bản sắc văn hóa doanh nghiệp, với tinh thần xây dựng công ty trở thành “mái nhà chung” cho tập thể CBCNV.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1 **Ngành nghề kinh doanh chính:** Quản lý, đầu tư, sản xuất và kinh doanh điện năng.

3.2 **Địa bàn kinh doanh chính:** Xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

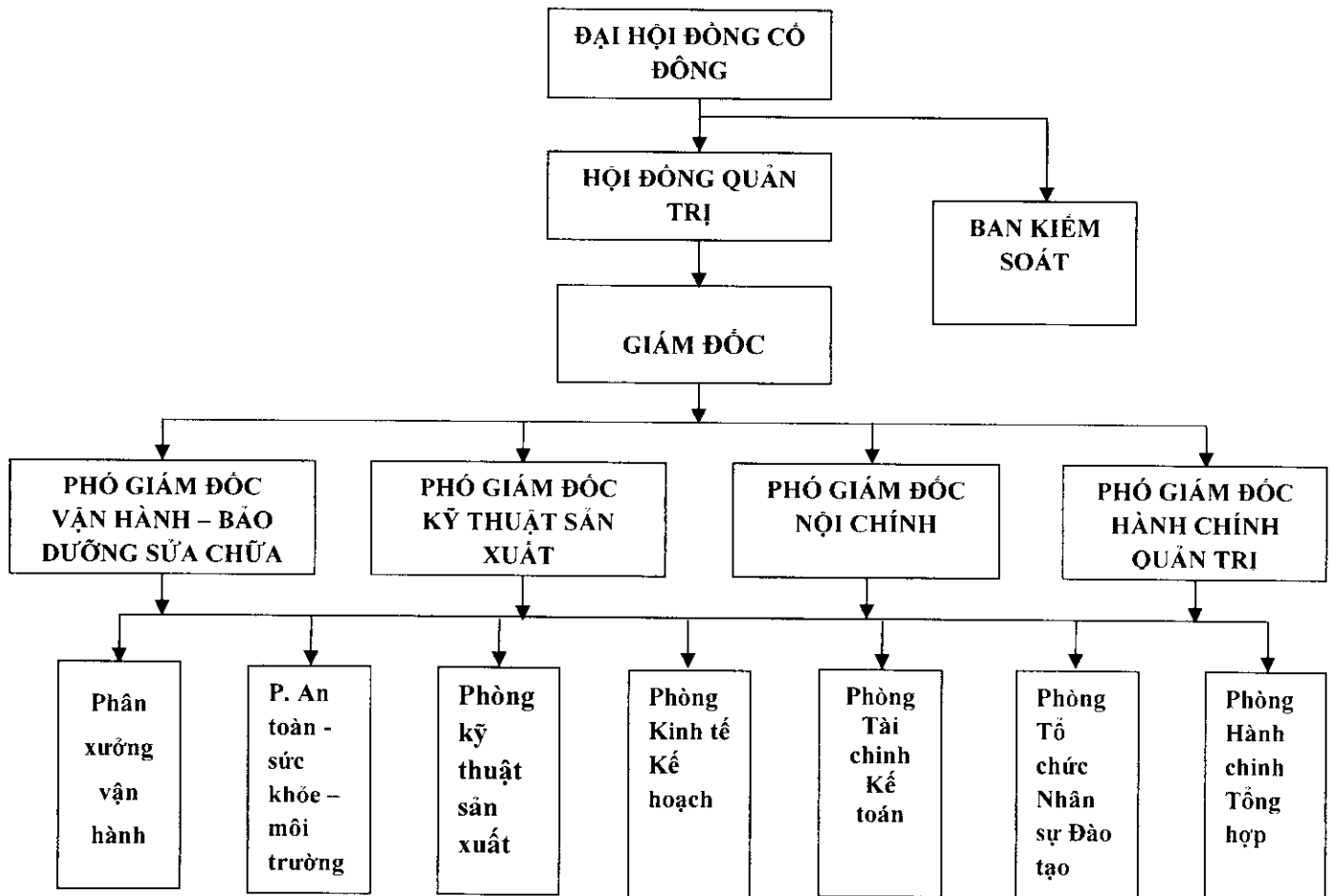
4.1 Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất công ty.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Hội đồng Quản trị: gồm 5 thành viên, trong đó 1 thành viên chuyên trách và 4 thành viên kiêm nhiệm.
- Ban kiểm soát: gồm 3 thành viên trong đó 1 thành viên chuyên trách và 2 thành viên kiêm nhiệm.
- Ban Giám đốc: gồm 5 người trong đó 1 Giám đốc và 4 Phó Giám đốc;

4.2 Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức:



5. Định hướng phát triển:

5.1 Mục tiêu, chiến lược chủ yếu:

- Phát triển Công ty trở thành nhà cung cấp, sản xuất điện đáng tin cậy, đáp ứng tối đa nhu cầu điện năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội đất nước.
- Phân đầu sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý. Tăng cường các khóa đào tạo Quản lý kỹ thuật, thị trường phát điện cạnh tranh cho các bên trực tiếp vận hành;

- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; Chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao;
- Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh;
- Xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp. Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.
- Phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas, PVPS và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác vận hành nhà máy liên tục an toàn, hiệu quả;

5.2 Các mục tiêu, trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng:

- Cung cấp điện với nguồn nguyên liệu sạch, góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới, đảm bảo thực hiện phát triển năng lượng một cách bền vững.
- Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro kinh tế: Các nhân tố có ảnh hưởng đến nền kinh tế bao gồm tốc độ tăng trưởng kinh tế, thị trường, lãi suất, lạm phát, tỷ giá hối đoái, sự biến động của chi phí đầu vào như chi phí nhiên liệu, vật tư...trong đó giá cả đầu vào như khí là một trong những nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất đến kết quả kinh doanh. Nếu có sự biến động mạnh của các nhân tố trên sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế quốc gia. Do đó tình hình sản xuất kinh doanh của công ty có thể bị ảnh hưởng theo.

6.2 Rủi ro xuất phát từ đặc điểm kinh doanh:

Rủi ro do phụ tải hệ thống điện thấp hơn so với dự báo, giá thị trường điện thấp và phải cạnh tranh khốc liệt với các nhà máy điện khác khiến cho việc chào giá bán điện với mục tiêu vừa đảm bảo lợi nhuận vừa vận hành ổn định gặp rất nhiều khó khăn.

Công ty vẫn không được hưởng cùng mật bằng giá khí với giá khí cấp cho các nhà máy điện của EVN trong khu vực miền Đông Nam bộ sử dụng cùng nguồn khí Nam Côn Sơn, dẫn đến bất bình đẳng khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;

6.3 Rủi ro về chính sách, luật pháp: Hệ thống luật pháp nước ta hiện tại còn tồn tại nhiều quy định phức tạp và chồng chéo trong lĩnh vực hành chính. Công ty vẫn chưa thể đàm phán ký kết được Hợp đồng mua bán điện với giá chính thức do còn nhiều vướng mắc khách quan. Xu hướng xã hội hóa ngành điện là tất yếu nhưng hiện tại Việt Nam chưa có thị trường cạnh tranh đầy đủ do các quy định về thị trường còn chưa đồng bộ, chưa được cập nhật đầy đủ và hay thay đổi. Hiện nay việc tăng giá điện mới chỉ liên quan đến giá bán lẻ của EVN, còn giá bán buôn đang bị hạn chế, do các yếu tố đầu vào để tính giá phát điện của các nhà máy điện đặc biệt là chi phí O&M của các Nhà máy điện tua bin khí, vấn đề tỷ giá, lãi suất, tỷ suất lợi nhuận IRR...chưa được tính đúng, tính đủ, dẫn đến tiến độ đàm phán

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Hợp đồng mua bán điện với giá chính thức bị chậm trễ, kéo dài gặp rất nhiều khó khăn vướng mắc lớn mà chưa thể giải quyết ngay;

6.4 Rủi ro khác: Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động không nhỏ đến tình hình SXKD của công ty, đó là những rủi ro về động đất, hỏa hoạn, hạn hán, bão lụt, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo hay là sự cố của hệ thống các nhà máy điện khác dẫn đến hệ lụy liên đới đến tình hình SXKD của công ty.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động SX-KD:

Kết quả hoạt động SXKD của PVPower NT2 như trình bày dưới đây.

- Sản lượng điện thực hiện năm 2013 là 4.670 Tr.Kwh, đạt 112% so với kế hoạch năm 2013, về đích trước 40 ngày đảm bảo an toàn tuyệt đối.
- Tổng doanh thu năm 2013 là 5.935.304 Tr.đồng, đạt 114% so với kế hoạch năm 2013. Trong đó doanh thu sản xuất điện vượt 13% so với kế hoạch, cao hơn tỷ lệ 12% vượt kế hoạch của sản lượng điện.
- Tổng chi phí năm 2013 (chưa bao gồm chênh lệch tỷ giá) tăng 5% so với kế hoạch năm 2013 (chủ yếu là tăng chi phí nhiên liệu, nguyên nhân do sản lượng điện vượt kế hoạch 12% dẫn đến chi phí nhiên liệu tăng). Tỷ lệ tăng này thấp hơn so với tỷ lệ vượt sản lượng trong kế hoạch năm 2013 (12%).
- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh điện năm 2013 (chưa bao gồm chênh lệch tỷ giá) đạt 438.501 Tr.VNĐ. Tuy nhiên lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại dư nợ ngoại tệ cuối kỳ và phân bổ lỗ tỷ giá giai đoạn đầu tư là 430.281 Tr.VNĐ nên lợi nhuận năm 2013 còn 8.219 Tr.VNĐ, tuy nhiên vẫn đạt 124% so với kế hoạch lợi nhuận năm 2013.

Chi tiết như bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2013	TH năm 2013	Đánh giá
A	Vốn điều lệ	Tr.VNĐ	2.560.000	2.560.000	
B	Sản lượng				
I	Sản lượng điện	Tr. KWh	4.156	4.670	112%
C	Tài chính				
I	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	Tr.VNĐ	5.223.441	5.935.304	114%
1	Doanh thu sản xuất điện	Tr.VNĐ	5.223.441	5.880.998	113%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

2	Doanh thu khác	Tr.VNĐ	0	54.306	
II	Tổng chi phí SXKD	Tr.VNĐ	5.216.189	5.496.803	105%
1	Chi phí sản xuất điện	Tr.VNĐ	5.216.189	5.496.597	105%
2	Chi phí khác	Tr.VNĐ	0	206	
III	Lợi nhuận trước thuế chưa tính đến ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Tr.VNĐ	7.252	438.501	-
IV	Chênh lệch tỷ giá	Tr.VNĐ	(622)	(430.281)	-
V	Lợi nhuận sau thuế đã trừ chênh lệch tỷ giá	Tr.VNĐ	6.631	8.219	124%
VI	Lợi nhuận sau thuế	Tr.VNĐ	6.631	8.219	124%

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách Ban điều hành: Xem phụ lục đính kèm

2.2 Thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2013 Ban điều hành có thay đổi như sau:

- Ngày 12/12/2013 Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Hải giữ chức vụ Phó giám đốc PVPower NT2

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

a. Lực lượng lao động: Đến cuối năm 2013, Tổng số nhân sự của Công ty là 171 người (không bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm). Nhìn chung, Công ty hiện đang sử dụng lao động với trình độ tương đối cao, hơn 66% lao động có trình độ đại học và trên đại học, khoảng gần 15% lao động có trình độ cao đẳng, CN kỹ thuật. Cụ thể như sau:

Phân loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Trình độ Tiến sỹ	1	0.581%
2. Trình độ Thạc sỹ	5	2.907%
3. Trình độ Đại học	111	64.535%
4. Trình độ Cao đẳng	12	6.977%
5. Trình độ Trung cấp	9	5.233%
6. Công nhân kỹ thuật	11	6.395%
7. Lái xe	14	8.140%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

8. Lao động phổ thông	9	5.233%
Tổng cộng	172	100%

b. Chính sách đối với người lao động:

** Chính sách đào tạo:*

- Công ty luôn quan tâm, chú trọng và phát triển nguồn nhân lực trong toàn thể CBCNV Công ty. Hàng năm, Công ty đều xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc các kế hoạch đào tạo cho đội ngũ nhân viên bao gồm các kế hoạch đào tạo trong nước và ngoài nước, ngắn hạn và dài hạn, tổ chức mở các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, lý luận chính trị, quản lý...
- Thực hiện công tác tuyển dụng nhân sự cho nhà máy điện Nhơn Trạch 2, theo các quy chế tuyển dụng, quy trình tuyển dụng và đào tạo vận hành...
- Kết hợp với các trung tâm, cơ quan chức năng tại địa bàn hoạt động của Công ty tổ chức các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy...

** Chính sách tiền lương, thưởng:*

- Công ty ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng được áp dụng cho toàn Công ty và hàng năm đều có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế.
- Công ty trả lương cho CBCNV tùy thuộc vào năng lực thực tế và hiệu quả công việc. Hàng năm định kỳ Hội đồng lương Công ty họp 2 lần/năm vào tháng 6 và tháng 12. Kỳ họp tháng 12 để xem xét đánh giá các trường hợp đủ điều kiện để xét nâng lương theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP và lương chức danh trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 6 của năm tiếp theo, kỳ họp tháng 6 hàng năm để xem xét đánh giá các trường hợp đủ điều kiện để nâng lương cho các tháng từ tháng thứ 7 đến hết tháng 12 của năm.
- Mỗi năm người lao động được hưởng tối thiểu 13 tháng lương
- Ngoài ra, người lao động còn được hưởng lương, thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc dựa trên kết quả bình xét thi đua hàng quý.
- Chế độ thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, lao động tiên tiến, có sáng kiến trong lao động... được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ nghiên cứu khoa học của Công ty.
- Chế độ thưởng cho người lao động nhân các ngày lễ lớn : Quốc Khánh, Quốc tế Lao động, Tết, ngày thành lập Công ty, tiền mừng sinh nhật, đám cưới, khen thưởng cho các con em của người lao động có thành tích học tập tốt, nhân dịp Quốc tế thiếu nhi, Trung Thu, ... được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty.
- Chính sách tiền lương của Công ty được xây dựng trên cơ sở tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

tế quan trọng để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

- Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

* Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Bộ Luật lao động, nội quy lao động và thoả ước lao động tập thể. Chế độ bảo hiểm xã hội của Công ty bao gồm đầy đủ ba chế độ: ốm đau, thai sản và tai nạn lao động. Công ty đặc biệt quan tâm đến việc hiếu hỷ cho CBCNV lao động trong Công ty. Ngoài ra, tùy từng trường hợp và vị trí làm việc cụ thể mà người lao động được hưởng các khoản phụ cấp khác như : phụ cấp chức vụ, phụ cấp độc hại, phụ cấp lưu động, trợ cấp thai sản ... quy định tại Thỏa ước lao động tập thể được ký kết giữa Ban lãnh đạo Công ty và Ban chấp hành Công đoàn hàng năm.
- Công ty hàng năm đều mua bảo hiểm tai nạn cho 100% CBCNV Công ty với mức phí bảo hiểm cao.
- Người lao động hàng năm đều được tổ chức khám sức khỏe định kỳ và đi tham quan du lịch, cấp trang phục văn phòng. Ngoài ra Công ty đã thành lập Hội đồng bảo hộ lao động, chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, công tác phòng cháy chữa cháy.
- Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Ngày 16/10/2011, dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với tổng mức đầu tư được duyệt là: **11.448.352.000.000 VND** đã hoàn thành toàn bộ công tác xây dựng và chính thức đi vào vận hành thương mại theo sự điều độ của Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành vượt tiến độ 45 ngày. Đến ngày 15/05/2013 dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã được Đại hội đồng Cổ đông PVPower NT2 chính thức phê duyệt Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án.

4. Tình hình tài chính:

4.1 Báo cáo tình hình tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ Đồng	13.486,049	12.186,178	-9,639%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	5.450,715	5.880,997	7,89%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	% tăng/giảm
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	13,496	7,089	-47.47%
4	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	- 5,814	1,130	119.44%
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,682	8,219	6.99%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,682	8,219	6.99%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Khả năng thanh toán hiện hành	0.82	0.95	
	+ Khả năng thanh toán nhanh	0.75	0.85	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
	+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	79.37%	77.12%	
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	384.68%	337.14%	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho	26.33	24.98	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.40	0.48	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.06%	0.07%	
	+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.14%	0.14%	
	+ Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	0.28%	0.29%	
	+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.25%	0.12%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 256.000.000 CP
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 256.000.000 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP

5.2 Cơ cấu cổ đông:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

ST T	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Trong nước	1.140	243.200.000	2.432.000.000.000	95%
-	<i>Tổ chức</i>	16	236.649.110	2.366.491.100.000	92,441%
-	<i>Cá nhân</i>	1.105	6.550.890	65.508.900.000	2,559%
2	Nước ngoài	1	12.800.000	128.000.000.000	5%
-	<i>Tổ chức</i>	1	12.800.000	128.000.000.000	5%
-	<i>Cá nhân</i>				
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	1.122	256.000.000	2.560.000.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn:

ST T	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Electric Power Development Co.,Ltd (J – POWER)	12,800,000	128.000.000.000	5%
2	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	12,800,000	128.000.000.000	5%
3	Tổng công ty Điện lực – Vinacomin	12,800,000	128.000.000.000	5%
4	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	160,766,150	1,607,661,500,000	62,8%
	Tổng cộng	256.000.000	2.147.661.500.000	83,89%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 02/04/2013

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2013, Công ty không thực hiện tăng vốn cổ phần.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5 Các chứng khoán khác: Không

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SX-KD:

1.1 Đặc điểm tình hình:

Dự án đầu tư Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 được phê duyệt tại Quyết định số 02/CPNT2-HĐQT ngày 16/01/2008 và được Bộ Công thương thẩm định thì tính đến

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

năm thứ 9 - năm 2018 (không tính đến doanh thu CDM khoảng 2,4 Tr.USD/năm) thì nhà máy mới bắt đầu có lãi. Nhưng do sự nỗ lực, quyết tâm cao của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty, sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Tổng Công ty, Tập đoàn và các cổ đông, Công ty đã vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2013.

Công tác vận hành đáp ứng tốt yêu cầu và đảm bảo Nhà máy vận hành an toàn, hiệu quả góp phần hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch sản lượng điện năm 2013 được giao;

Về hợp đồng mua bán điện: Hiện nay, EVN đang trình Cục Điều tiết điện lực – Bộ Công thương phê duyệt kết quả đàm phán giá điện chính thức NMD NT2 và nội dung dự thảo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 Hợp đồng mua bán điện NMD NT2, dự thảo thỏa thuận về việc thanh toán các điều khoản tiền điện chênh lệch được tính theo giá điện chính thức so với giai đoạn tạm tính từ ngày vận hành thương mại toàn nhà máy (16/10/2011) đến ngày 30/04/2012 NMD NT2.

Về hợp đồng mua bán khí: Hợp đồng mua bán Khí được thực hiện tốt, công tác phối hợp vận hành và xử lý sự cố đã được các bên phối hợp chặt chẽ, đảm bảo nguồn nhiên liệu cấp cho Nhà máy được liên tục, kiểm tra và thanh toán nhiên liệu khí được thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian quy định. Công ty đã cử nhân sự tham gia tổ đàm phán hòa chung một giá khí do PVN chủ trì. Ký bổ sung số 02 Hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 với Tổng Công ty khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (PVGas) về việc sử dụng khí Hải Thạch Mộc tinh.

Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn cho 100.000 giờ EOH đầu tiên của Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí (PVPS) được thực hiện một cách nghiêm túc đầy đủ, công tác bảo dưỡng thường xuyên hàng tháng được PVPS thực hiện tốt.

Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 đã hoàn thành và được Đại Hội Đồng Cổ đông phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Nhà máy Điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 tại Quyết định số 21/QĐ-CPNT2 ngày 15/05/2013.

a. Thuận lợi:

- Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 là công trình nhiệt điện lớn đóng vai trò quan trọng trong hệ thống điện quốc gia, đặc biệt là khu vực miền Đông Nam Bộ nên được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cấp trên và các cổ đông của Công ty;
- Yếu tố cơ bản để Công ty đạt được hiệu quả trong quá trình hoạt động SXKD năm 2013 là do nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được thiết kế và xây dựng tốt, có hiệu suất cao, khả năng vận hành linh hoạt, tin cậy với độ khả dụng cao.
- Đặc biệt, PVPower NT2 đã luôn tiếp thu rút kinh nghiệm từ các nhà máy điện Phú Mỹ, Cà Mau 1 và Cà Mau 2 về các vấn đề kỹ thuật của các nhà máy nên có thể đem áp dụng vào trong quá trình vận hành, bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hiệu quả. Với công nghệ hiện đại, tiên tiến, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 có khả năng thay đổi phụ tải trong dải công suất rất rộng, lên đến vài trăm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

MW một cách nhanh chóng, đây là tính năng không phải nhà máy điện nào cũng có được. Khả năng nói trên của nhà máy đặc biệt quan trọng khi tham gia vào thị trường phát điện cạnh tranh do góp phần ổn định hệ thống điện Quốc gia. Nhờ vậy, từ khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đến nay với giá bán tạm tính, nhưng bước đầu nhà máy đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ.

b. Khó khăn:

- Hiện nay, PVPower NT2 vẫn không được hưởng cùng mặt bằng giá khí với giá khí cấp cho các nhà máy điện của EVN trong khu vực miền Đông Nam bộ sử dụng cùng nguồn khí Nam Côn Sơn, dẫn đến bất bình đẳng khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;
- Do năm 2013 phụ tải hệ thống điện thấp hơn so với dự báo, giá thị trường điện thấp và phải cạnh tranh khốc liệt với các nhà máy điện khác khiến cho việc chào giá bán điện với mục tiêu vừa đảm bảo lợi nhuận vừa vận hành ổn định gặp rất nhiều khó khăn;
- Hiện nay xu hướng xã hội hóa ngành điện là tất yếu nhưng Việt Nam chưa có thị trường cạnh tranh đầy đủ do các quy định về thị trường còn chưa đồng bộ, chưa được cập nhật đầy đủ và hay thay đổi. Việc tăng giá điện mới chỉ liên quan đến giá bán lẻ của EVN, còn giá bán buôn đang bị hạn chế, do các yếu tố đầu vào để tính giá phát điện của các nhà máy điện đặc biệt là chi phí O&M của các Nhà máy điện tua bin khí, vấn đề tỷ giá, lãi suất, tỷ suất lợi nhuận IRR... chưa được tính đúng, tính đủ, dẫn đến tiến độ đàm phán Hợp đồng mua bán điện với giá chính thức bị chậm trễ, kéo dài gặp rất nhiều khó khăn vướng mắc lớn mà chưa thể giải quyết ngay;
- Giá điện tạm tính như hiện nay dẫn đến Công ty có thể sẽ mất cân đối tài chính trong năm 2014 do đã hết thời gian bảo hành, chi phí bảo dưỡng sửa chữa tăng cao.

1.2 Các chỉ tiêu cơ bản:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	TH năm 2013	Đánh giá KH/TH 2013
1	Sản lượng điện	Tr. KWh	4.649,52	4.156	4.670	112%
2	Tổng Doanh thu	Tr.VNĐ	5.574.480	5.223.441	5.935.304	114%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.VNĐ	7.682	6.631	8.219	124%
4	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tr.VNĐ				
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.VNĐ	5.682	6.631	8.219	124%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL		0,3%		0,32%	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Năm 2013, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch, sản lượng điện thực hiện là 4.670 Tr.Kwh đạt 112% so với kế hoạch năm 2013, đạt 100,44% so với năm 2012.
- Tổng doanh thu 5.935.304 Tr.đồng đạt 114% so với kế hoạch năm 2013, đạt 106,47% so với năm 2012.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 8.219 Tr.đồng đạt 124 % so với kế hoạch năm 2013, bằng 107% so với năm 2012.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 8.219 Tr.đồng đạt 124 % so với kế hoạch năm 2013, bằng 107% so với năm 2012.

2. Tình hình tài chính:

2.1 Tình hình tài sản:

Tổng giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2013 là **12.186.178.877.306 VNĐ** giảm so với thời điểm ngày 31/12/2012 (**13.486.049.256.120 VNĐ**), chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

- Do Nhà máy điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đã chính thức đi vào vận hành thương mại từ ngày 16 tháng 10 năm 2011 và được trích khấu hao theo đúng quy định tại Thông tư 203/2009/TT – BTC, giá trị khấu hao năm 2013 là 982,4 tỷ đồng. Đây cũng là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc giảm giá trị còn lại của tài sản cố định cũng như Tổng tài sản.
- Ngoài ra việc có một số khoản chi phí trả trước dài hạn phát sinh trong quá trình xây dựng nhà máy được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí tài chính năm 2013 cũng làm cho chi phí trả trước dài hạn tại thời điểm 31/12/2013 giảm đi 222 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2012.

2.2 Tình hình nợ phải trả

Khoản nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2013 là **9.398.503.220.590 VNĐ** giảm so với thời điểm ngày 31/12/2012 (**10.703.598.842.617 VNĐ**), chủ yếu là do dư nợ **vay dài hạn** giảm (khoảng 887 tỷ VNĐ) do trong năm Công ty đã thanh toán các khoản nợ dài hạn đến hạn trả theo lịch trả nợ, ngoài ra các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả cũng giảm so với thời điểm 31/12/2012. Điều này cho thấy tình hình tài chính của Công ty trong năm 2013 lành mạnh, dòng tiền được cân đối một cách hợp lý đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh cũng như đảm bảo khả năng trả nợ các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trên cơ sở kết quả SXKD đáng khích lệ của năm 2013, năng lực SXKD, nhu cầu huy động sản lượng điện, nguồn khí, giá điện... công ty xây dựng kế hoạch phát triển trong tương lai như sau:

a. Kế hoạch các chỉ tiêu sản lượng:

- Sản lượng điện thương mại năm 2014: 4.000 Tr.Kwh.
- Khối lượng khí tiêu thụ năm 2014: 718 Tr.Sm³

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

b. Kế hoạch tài chính:

- Tổng doanh thu năm 2014:	5.284.798 Tr.đồng
- Tổng chi phí năm 2014 chưa bao gồm CLTG:	5.141.801 Tr.đồng
- Lãi từ hoạt động SXKD năm 2014:	142.997 Tr.đồng
- Nộp NSNN năm 2014:	147.131 Tr.đồng

c. Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa

- PVPower NT2 tiến hành trung tu mở rộng các tổ máy (GT5, GT6) và tiêu tu tổ máy ST4 dự kiến vào tháng 05-06/2014.

d. Kế hoạch trả nợ gốc và lãi vay

- Dự kiến kế hoạch năm 2014 trả nợ gốc và lãi vay là 989.569.260.705 VNĐ và 346.347.400.081 VNĐ.

e. Dự kiến phân phối lợi nhuận:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	410.960.845 VNĐ
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	5.932.698.756 VNĐ
- Lợi nhuận để lại chưa phân phối:	1.875.557.302 VNĐ

4. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có, do kiểm toán không có ý kiến yêu cầu giải trình.

PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty:

1.1 Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch):

ST T	Công việc	Kế hoạch	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ % đạt được so với KH
1	Kế hoạch nhân sự			
	Định biên nhân sự	181 người	172 người	95,03%
2	Sản xuất điện			
	Kế hoạch sản xuất điện cung cấp lên lưới điện quốc gia	4,156 tỷ kWh	4,670 tỷ kWh	112,37%
3	Kế hoạch tài chính			
*	Tổng Doanh thu	5.223.441.000.000	5.935.304.000.000	113,63%
*	Tổng Chi phí	5.216.666.000.000	5.496.803.000.000	105,37%
*	Chênh lệch tỷ giá	(622.000.000)	(430.281.000.000)	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

ST T	Công việc	Kế hoạch	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ % đạt được so với KH
*	Lợi nhuận trước thuế	6.153.000.000	8.220.000.000	133,27%
*	Nộp NSNN	166.783.000.000	168.400.000.000	100,97%
4	Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa			
*	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	Tiêu tu nhà máy lần II vào tháng 4- 5/2013	Thực hiện tiêu tu lần II từ ngày 28/04 đến 07/05/2013, hiệu quả và an toàn chất lượng	

*** Tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2013:**

+ Tổng tài sản	: 12.186.178.877.306 VNĐ
* Tài sản ngắn hạn	: 1.983.307.076.501 VNĐ
* Tài sản dài hạn	: 10.202.871.800.805 VNĐ
+ Tổng nguồn vốn	: 12.186.178.877.306 VNĐ
* Nợ phải trả	: 9.398.503.220.590 VNĐ
* Nguồn vốn chủ sở hữu	: 2.787.675.656.716 VNĐ

1.2 Kết quả thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí năm 2013:

Bên cạnh việc áp dụng theo định mức kỹ thuật trong vận hành nhà máy được HĐQT phê duyệt nhằm kiểm soát chi phí, tăng cường hiệu quả SXKD, PVPower NT2 còn xây dựng chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại Công ty. Kết quả là năm 2013, Công ty đã tiết kiệm và tiết giảm chi phí số tiền là 16.087.000.000 đồng, đạt 230% so với kế hoạch (chi phí đăng ký tiết giảm cho cả năm 2013 là 7.008.000.000 đồng)..

1.3 Công tác thực hiện AS-XH:

PVPower NT2 đã thực hiện thăm hỏi tặng quà thân nhân gia đình CBCNV – LĐ khi ốm đau, hoạn nạn hoặc gặp khó khăn...; PVPower NT2 đã tổ chức làm thêm 04 ngày để ủng hộ quỹ tương trợ Dầu khí vào ngày 19/01/2013 và quỹ vì thế hệ trẻ Dầu khí vào ngày 30/03/2013, quỹ nghĩa tình đồng đội vào ngày 20/07/2013 và ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt vào ngày 26/10/2013, ủng hộ 1 tỷ đồng xây dựng trường học PTCS Sơn liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty:

Tiếp nối những thành công mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua, từ khi dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 còn đang trong quá trình xây dựng đến nay sau hơn 02 năm vận hành thương mại, mặc dù còn nhiều khó khăn thử thách song Ban

giám đốc đã điều hành Công ty hoàn thành, đạt vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013. Đảm bảo công tác vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chất lượng, an toàn, ổn định và hiệu quả; tạo tiền đề và cơ sở vững chắc cho hoạt động SXKD những năm tới nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông.

Ban Lãnh đạo Công ty sáng tạo giám nghĩ giám làm, năng động trong điều hành cùng với sự tận tâm nỗ lực lao động của đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành cùng với toàn thể CBCNV trong công ty đoàn kết, hợp sức đồng tâm ngày đêm phấn đấu cho một mục tiêu phát triển chung của PVPower NT2.

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị thực thi đầy đủ chức trách của mình trong công tác quản trị hoạt động công ty theo đúng định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2013 đưa ra. Ngoài ra Hội đồng quản trị cũng thường xuyên kết hợp với Ban kiểm soát và Ban giám đốc trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, đảm bảo sự thông suốt giữa ba cơ quan Quản trị – Điều hành – Kiểm soát.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

Với mục tiêu chính là vận hành Nhà máy điện an toàn, ổn định, tối ưu hoá hiệu quả hoạt động SXKD nhằm đạt lợi nhuận tốt nhất. Trong năm 2014 Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

3.1 Kế hoạch nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

- Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong năm 2014 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và Giám sát việc thực hiện sản xuất điện theo Định mức kinh tế - kỹ thuật đã được ban hành để quản lý vật tư thiết bị và kiểm soát chi phí trong vận hành nhà máy nhằm tăng cường hiệu quả trong SXKD của Công ty;
- Chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất điện hiệu quả, an toàn trong thị trường điện cạnh tranh;
- Phê duyệt và chỉ đạo Công ty Ký kết hợp đồng Mua bán điện giá chính thức cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;
- Chỉ đạo công tác trung tu mở rộng Nhà máy tại 25.000 EOH dự kiến vào tháng 05-06/2014, hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo độ an toàn tin cậy, hiệu quả;
- Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt việc thu hồi và thanh toán công nợ kịp thời;
- Phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy trong năm 2014 và chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống CMMS / mã vạch phục vụ quản lý vật tư, quản lý tài sản của Công ty;
- Chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện hệ thống quản lý ATSKMT theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001 và ISO 14001;
- Thực hiện việc giám sát, kiểm tra các hoạt động của Ban điều hành và của Công ty đúng chức năng của HĐQT theo Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và theo Luật doanh nghiệp;

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản, quy trình, quy chế nhằm tăng cường quản lý rủi ro, tính thông suốt và hiệu quả trong hoạt động điều hành.

3.2 Chỉ đạo thực hiện kế hoạch của Công ty năm 2014 như sau:

- Kế hoạch nhân sự: Định biên nhân sự là 181 người;
- Kế hoạch sản xuất điện: Sản lượng điện thương mại năm 2014 là 4 tỷ kWh;
- Kế hoạch tài chính năm 2014:
 - + Tổng doanh thu: 5.284.798.000.000 đồng
 - + Tổng chi phí: 5.141.801.000.000 đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế: 142.997.000.000 đồng (chưa bao gồm CLTG)
- Nộp ngân sách Nhà nước: 147.131.000.000 đồng

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu HĐQT:

Stt	Họ và tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số lượng chức danh TV.HĐQT năm giữ tại cty khác	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)
1	Lê Tự Hiếu	CT HĐQT	0	7,500	0.0029
2	Hoàng Xuân Quốc	UV HĐQT kiêm GĐ	0	0	0
3	Lê Ngọc Sơn	TV. HĐQT kiêm nhiệm	1	0	0
4	Nguyễn Minh Tuấn	TV. HĐQT kiêm nhiệm	1	0	0
5	Lương Ngọc Anh	TV. HĐQT kiêm nhiệm	1	0	0

1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không thành lập các tiểu ban

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thực hiện Nghị quyết số 04/ĐHCD ngày 10/05/2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, Hội đồng quản trị đã tích cực hoạt động, chỉ đạo sát sao, đưa ra những quyết sách phù hợp để Công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD điện, tuân thủ theo quy định tại Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công các phiên họp HĐQT và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để phê duyệt và ban hành các nghị quyết, quyết định các nội dung nhằm chỉ đạo Công ty

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

triển khai thực hiện nhiệm vụ chính là SXKD điện và kết quả đạt được là hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013.

a. Việc ban hành và thực hiện các Quyết định, Nghị quyết, Quy chế và Quy định:

Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất nhằm kịp thời thông qua các Nghị quyết/Quyết định về quản lý và chỉ đạo đáp ứng tiến độ các hoạt động SXKD năm 2013 ; Ban hành 06 Nghị quyết và 62 Quyết định theo Tờ trình, đề xuất của Ban giám đốc để tạo cơ sở pháp lý cho Công ty triển khai thực hiện hoạt động SXKD năm 2013.

Hội đồng quản trị đã thực hiện chức trách nhiệm vụ của HĐQT và phê duyệt, ban hành các Quy chế/Quy định quản lý nội bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức, điều kiện hoạt động SXKD của Công ty cụ thể như sau:

- Ban hành Quy chế quản lý Tài chính sửa đổi lần I để phù hợp với đặc thù loại hình kinh doanh và tình hình SXKD của Công ty;
- Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC nhằm hoàn thiện hơn nữa các nội dung của Điều lệ, làm cơ sở cho việc vận hành các hoạt động của Công ty theo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông;
- Quyết định sắp xếp lại tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty: Giải thể phòng Xây dựng và cơ cấu lại các phòng chức năng bao gồm 06 phòng và 01 phân xưởng với mục đích hoàn thiện cơ cấu tổ chức cho phù hợp với tình hình thực tế;
- Ngày 24/07/2013 HĐQT đã có QĐ phê duyệt và ban hành Quy định về phân cấp và quyết định đầu tư của PVPower NT2 nhằm phục vụ cho công tác quản lý đầu tư, mua sắm của Công ty phù hợp với các quy định hiện hành;
- Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ: nhằm thống nhất đối tượng, hạn mức trong việc thực hiện chế độ chi tiêu, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty;
- Ban hành Quy chế thi đua – khen thưởng để khuyến khích, tạo động lực cho CBCNV làm việc tích cực nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty;
- Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động nghiên cứu Khoa học – Công nghệ nhằm tạo điều kiện gắn NCKH và Công nghệ với sản xuất và đào tạo nhân lực, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho Công ty.
- Ngày 20/02/2013 HĐQT đã có QĐ số 09/QĐ-CPNT2 phê duyệt Định mức kinh tế- kỹ thuật áp dụng trong năm 2013 cho NMĐNT2.
- Ngày 15/05/2013 HĐQT đã có QĐ số 21/QĐ-CPNT2 phê duyệt Quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án NMĐNT2 theo biểu quyết của ĐHCĐ tại kỳ ĐHCĐ thường niên năm 2013
- Đang triển khai Xây dựng hệ thống quản lý ATSKMT theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001 & ISO 14001 cho PVPower NT2 nhằm đảm bảo

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu các gói thầu mua sắm vật tư thiết bị phục vụ SXKD và bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện Nhơn Trạch 2.
- Hợp đồng mua bán điện giá chính thức Đang trình Cục Điều tiết Điện lực – Bộ Công thương phê duyệt kết quả đàm phán giá điện chính thức và nội dung Dự thảo Hợp đồng sửa đổi bổ sung HĐ Mua bán điện NMĐ NT2;

Đánh giá chung: Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ năm 2013 của Hội đồng quản trị tại Báo cáo số 26/CPNT2-BC-HĐQT ngày 25/04/2013 đã được ĐHCĐ thường niên thông qua, HĐQT đã triển khai một cách nghiêm túc, quyết liệt và hoàn thành tốt chương trình kế hoạch đề ra góp phần quan trọng trong việc năm 2013 công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD điện về đích trước hạn 40 ngày đồng thời các chỉ tiêu khác đều vượt kế hoạch.

b. Quan hệ với cổ đông:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 vào ngày 10/05/2013 với tỷ lệ tham dự của các cổ đông đạt khá cao 95,73%, đại diện cho 245.064.990 cổ phần có quyền biểu quyết.
- Cung cấp đầy đủ tài liệu, báo cáo, nghị quyết / quyết định của Đại hội cổ đông cho các cổ đông.
- Thực hiện nghiêm túc việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông trên sàn chứng khoán theo đúng quy định.

1.4 Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT. Các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan.

1.5 Hoạt động của tiểu ban trong HĐQT: Không thành lập các tiểu ban

1.6 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Ông Lê Tự Hiểu – Chủ tịch HĐQT

Ông Hoàng Xuân Quốc – Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty .

2. Ban kiểm soát:

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phần nắm giữ
1	Nguyễn Thị Hà	TBKS	0
2	Nguyễn Thị Thu Thủy	TV. BKS	0
3	Dương Thị Thu Hà	TV. BKS	0

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát công ty trong năm 2013 đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình, cụ thể:

- Tham dự đầy đủ tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị để theo dõi và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị công ty. Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các quy định của Pháp luật hiện hành
- Thẩm định BCTC hàng quý và cả năm, đảm bảo tính minh bạch đúng đắn trong các báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Ban kiểm soát phối hợp cùng Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các phòng chức năng thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, giám sát, giải quyết uôn nắn đưa các hoạt động từ công tác tổ chức điều hành quản lý chung đến công tác tổ chức điều hành quản lý trực tiếp tại công trường nhà máy, các phòng nghiệp vụ và các hoạt động nghiệp vụ đi vào nề nếp.
- Chủ động, phối hợp với ban điều hành, quản lý Công ty để lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập và cùng làm việc với đơn vị Kiểm toán để thống nhất về nội dung và phạm vi kiểm toán báo cáo tài chính năm.

3. Các giao dịch, thù lao, và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban kiểm soát:

3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy chế của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc, kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, thư ký công ty, cổ đông lớn và những người có liên quan tới các đối tượng trên):

Stt	Tên tổ chức thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hoàng Xuân Quốc	10.000	0,0039%	0	0	Cơ cấu danh mục

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Thông tin về hợp đồng hoặc giao dịch đã ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

công ty mà công ty năm quyền kiểm soát của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người có liên quan tới các đối tượng trên):

- Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tốt

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định Pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về kế toán (Xem Báo cáo tài chính được đăng tải website: www.pvpnt2.vn).

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Hoàng Xuân Quốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

✓

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

PHẦN MỞ ĐẦU

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tự Hiếu	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Giám đốc
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.


Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Số: 248/TNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17 tháng 02 năm 2014 từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

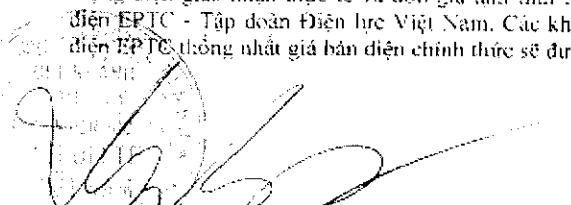
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

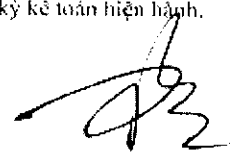
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến chính sách ghi nhận doanh thu bán điện của Công ty. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận doanh thu bán điện dựa theo sản lượng điện giao nhận thực tế và đơn giá tạm tính theo hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Công ty mua bán điện EPTC - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Các khoản chênh lệch phát sinh sau khi Công ty và Công ty mua bán điện EPTC thống nhất giá bán điện chính thức sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành.


Võ Thuần Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 17 tháng 02 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013		31/12/2012	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.983.307.076.501		2.079.395.454.660	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	57.246.674.887		51.718.618.432	
1. Tiền	111		57.246.674.887		51.718.618.432	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		246.461.181.788		494.830.189.800	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	246.461.181.788		494.830.189.800	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.449.723.105.340		1.336.929.972.359	
1. Phải thu khách hàng	131		35.652.402		-	
2. Trả trước cho người bán	132		14.986.171.786		10.927.197.129	
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.458.642.323.488		1.335.786.084.080	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(23.941.042.336)		(9.783.308.850)	
IV. Hàng tồn kho	140		221.314.057.916		184.895.064.642	
1. Hàng tồn kho	141	8	221.314.057.916		184.895.064.642	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.562.056.570		11.021.609.427	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.392.414.891		-	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.641.679		10.855.109.427	
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		159.000.000		166.500.000	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		10.202.871.800.805		11.406.653.801.460	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.782.753.000		38.782.753.000	
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	38.782.753.000		38.782.753.000	
II. Tài sản cố định	220		9.137.428.065.305		10.119.388.803.399	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	9.114.093.121.509		10.071.352.606.612	
- Nguyên giá	222		11.293.643.448.661		11.269.710.246.911	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.179.550.327.152)		(1.198.357.640.299)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.602.554.546		-	
- Nguyên giá	228		21.602.554.546		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-		-	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1.732.389.250		48.036.196.787	
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-		-	
1. Đầu tư dài hạn khác	258		11.140.000.000		11.140.000.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.140.000.000)		(11.140.000.000)	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.026.660.982.500		1.248.482.245.061	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.026.660.982.500		1.248.482.245.061	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.186.178.877.306		13.486.049.256.120	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

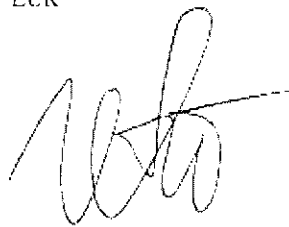
MÁU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		31/12/2013	31/12/2012
	số	minh		
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		9.398.503.220.590	10.703.598.842.617
I. Nợ ngắn hạn	310		2.082.537.306.225	2.530.331.354.922
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.137.995.154.732	1.167.641.326.901
2. Phải trả người bán	312		27.037.408.723	355.272.478.546
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	13.180.462.995	1.720.928.217
4. Phải trả người lao động	315		14.586.349.906	12.675.270.379
5. Chi phí phải trả	316	17	717.130.892.794	835.737.424.549
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	169.146.428.184	154.341.612.241
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.460.608.891	2.942.314.089
II. Nợ dài hạn	330		7.315.965.914.365	8.173.267.487.695
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	7.311.318.981.172	8.168.620.554.502
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.646.933.193	4.646.933.193
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410)	400		2.787.675.656.716	2.782.450.413.503
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	2.787.675.656.716	2.782.450.413.503
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		169.237.381.136	163.455.502.290
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.439.881.905	20.055.769.998
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		37.998.393.675	38.939.141.215
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		12.186.178.877.306	13.486.049.256.120

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

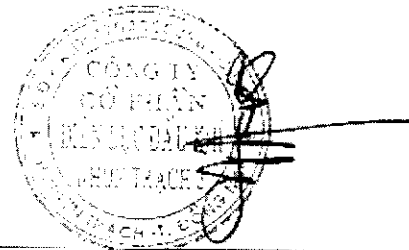
	31/12/2013	31/12/2012
I. Ngoại tệ các loại		
USD	427,81	3.210,85
EUR	39,75	205,31



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

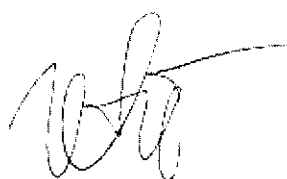
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

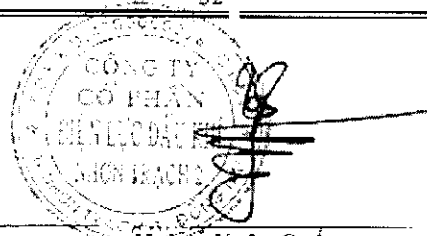
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÁU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2013	2012
1. Doanh thu về bán hàng	01		5.880.997.656.440	5.450.714.689.686
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	22	5.880.997.656.440	5.450.714.689.686
3. Giá vốn hàng bán	11		5.074.176.004.874	4.820.085.413.450
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10-11)	20		806.821.651.566	630.629.276.236
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	52.969.684.875	95.425.393.285
6. Chi phí tài chính	22	25	786.579.282.601	658.369.931.812
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		266.407.208.913	353.639.672.404
7. Chi phí bán hàng	24		306.283.406	241.095.175
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		65.816.831.398	53.947.734.909
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20-(21-22)-(24+25))	30		7.088.939.036	13.495.907.625
10. Thu nhập khác	31		1.336.333.839	28.340.388.711
11. Chi phí khác	32		206.055.971	34.154.058.196
12. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác (40=31-32)	40		1.130.277.868	(5.813.669.485)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.219.216.904	7.682.238.140
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.219.216.904	7.682.238.140
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	32	30


Lê Văn Tú
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng

Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÁU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.219.216.904	7.682.238.140
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	982.366.934.534	977.683.863.077
Các khoản dự phòng	03	14.157.733.486	20.923.308.850
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	280.693.405.522	56.423.252.789
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(52.961.657.839)	(87.169.525.846)
Chi phí lãi vay	06	266.407.208.913	353.639.672.404
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.498.882.841.520	1.329.182.809.414
Thay đổi các khoản phải thu	09	(119.046.003.813)	(87.532.081.235)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(26.239.043.433)	(867.972.849)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(394.015.186.300)	121.572.823.790
Thay đổi chi phí trả trước	12	213.175.045.217	231.483.700.061
Tiền lãi vay đã trả	13	(268.632.635.809)	(360.022.456.131)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(2.211.473.680)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.471.200.000)	(3.298.261.341)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	901.653.817.382	1.228.307.088.029
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(11.346.620.732)	(73.482.217.227)
2. Tiền chi cho vay	23	-	(57.028.374.616)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	248.369.008.012	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	55.908.762.933	86.021.839.939
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	292.931.150.213	(44.488.751.904)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	286.467.044.714	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.475.524.131.735)	(1.160.810.359.397)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.189.057.087.021)	(1.160.810.359.397)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	5.527.880.574	23.007.976.728
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	51.718.618.432	28.710.621.943
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	175.881	19.761
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	57.246.674.887	51.718.618.432

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 351.181.686 đồng (năm 2012: 1.355.761.669 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.

Thu lãi tiền gửi từ hoạt động đầu tư trong năm không bao gồm số tiền 647.180.309 đồng (năm 2012: 3.594.285.403 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.

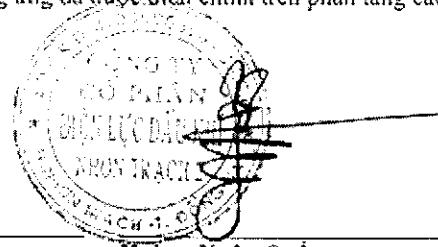
Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 16.402.014.332 đồng (năm 2012: 18.240.826.111 đồng) là số tiền lãi phải trả chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc
Ngày 17 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MAU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 12 tháng 9 năm 2012.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 172 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 165 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bạo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn, khoản phải thu dài hạn và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Báo cáo tài chính

Tỉnh Đồng Nai, CIHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính có thể phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán liên hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì bảo dưỡng và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà máy điện, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản phí bảo hiểm và chi phí bảo trì, bảo dưỡng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Các khoản lỗ này được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện (EPTC) theo giá bán điện tạm tính được thống nhất giữa hai bên. Các khoản chênh lệch phát sinh do điều chỉnh giá bán điện liên quan đến doanh thu đã được ghi nhận cho từng giai đoạn hoạt động sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi mà giá trị cần điều chỉnh được thống nhất giữa hai bên.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong giai đoạn xây dựng cơ bản Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng Nhà máy hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế đã được ghi nhận không tính vào nguyên giá của tài sản cố định mà phân bổ vào thu nhập tài chính hay chi phí tài chính và thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

Sau khi Công ty vận hành thương mại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái", Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp và Công văn số 417/DKVN-TCKT ngày 16 tháng 1 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các Công ty trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tuy nhiên, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vẫn chưa nhận được Công văn chấp thuận của Bộ Tài chính liên quan đến việc sử dụng tỷ giá nêu trên để đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại ngày này thay vì tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty quyết định dùng tỷ giá mua vào do Vietcombank công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán dựa vào tình hình thực tế của Công ty là phải ngoại tệ từ các ngân hàng thương mại trong nước và không có sự chênh lệch đáng kể nào khi so sánh tỷ giá mua vào của Vietcombank và tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại trong nước tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Báo cáo tài chính

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	29.366.883	127.081.791
Tiền gửi ngân hàng	57.217.308.004	51.591.536.641
	<u>57.246.674.887</u>	<u>51.718.618.432</u>

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng và tổ chức tài chính với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 6,5% đến 7,5%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được gia hạn bằng tháng theo như yêu cầu của Công ty. Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng với Techcombank - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, theo như thỏa thuận làm tài sản đảm bảo cho khoản vay trung hạn có hạn mức 10 triệu EUR, sẽ được tự động gia hạn 3 tháng một lần đến khi hợp đồng vay nêu trên được đáo hạn. Theo đó, thời hạn thực tế của các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên thường lớn hơn 3 tháng và Ban Giám đốc Công ty quyết định trình bày số liệu này là khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền bán điện cho Công ty Mua bán điện (EPTC)	1.412.705.884.994	1.259.562.317.180
Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán điện (EPTC)	42.153.554.457	42.153.554.457
Phải thu khác từ Tổng Công ty Khí Việt Nam	3.105.703.728	30.412.409.888
Lãi dự thu	647.180.309	3.594.285.403
Khác	30.000.000	63.517.152
	<u>1.458.642.323.488</u>	<u>1.335.786.084.080</u>

Các khoản phải thu khác chủ yếu là khoản tiền điện phải thu Công ty Mua bán điện (EPTC) tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 chưa xuất hóa đơn được xác định theo quy định của hợp đồng bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ ký ngày 6 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2. Khoản tiền bán điện này bao gồm doanh thu bán điện tạm tính là 1.284 tỷ đồng và thuế giá trị gia tăng là 128,4 tỷ đồng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 trên tổng số tiền lãi trả chậm dự thu từ Công ty Mua bán điện (EPTC) nhưng đã quá hạn thanh toán tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện giá trị dầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Số dư phải thu dài hạn khác thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuế đất phải trả Nhà nước trong tương lai theo quy định của Luật đất đai. Khoản phải thu dài hạn này được phân loại từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang các khoản phải thu khác theo Quyết định số 35/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.



100
NH
86
12
GT
J B
10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	2.902.604.609.924	8.332.385.291.068	28.541.874.257	6.178.471.662	11.269.710.246.911
Tăng trong năm	-	1.739.310.000	-	1.790.575.593	3.529.885.593
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31.682.045.026	-	-	-	31.682.045.026
Điều chỉnh theo Quyết định số 21/QĐ - CPNT2	57.221.390.175	(46.378.941.649)	164.736.423	-	(8.992.825.051)
Điều chỉnh theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(2.168.476.618)	(2.168.476.618)
Giảm do thanh lý	-	-	-	(117.427.200)	(117.427.200)
Tại ngày 31/12/2013	2.971.508.045.125	8.287.745.659.419	28.706.600.680	5.683.143.437	11.293.643.448.661
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	207.863.569.723	980.669.285.392	8.016.048.940	1.808.736.244	1.198.357.640.299
Khấu hao trong năm	125.646.000.506	852.273.919.136	3.562.363.684	889.130.097	982.371.413.423
Điều chỉnh theo Quyết định số 21/QĐ - CPNT2	21.181.161.914	(21.229.406.204)	-	48.241.290	-
Điều chỉnh theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(1.061.299.370)	(1.061.299.370)
Giảm do thanh lý	-	-	-	(117.427.200)	(117.427.200)
Phân loại lại	(25.609.731.132)	25.609.731.132	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	329.081.004.011	1.837.323.529.456	11.578.412.624	1.567.381.061	2.179.550.327.152
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	2.642.427.041.114	6.450.422.129.963	17.128.188.056	4.115.762.376	9.114.093.121.509
Tại ngày 31/12/2012	2.694.741.040.201	7.351.716.005.676	20.525.825.317	4.369.735.418	10.071.352.606.612

Ngày 15 tháng 5 năm 2013, Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã thông qua Quyết định số 21/QĐ - CPNT2 về việc phê duyệt giá trị quyết toán tài sản cố định hình thành từ vốn đầu tư của dự án Nhà máy điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, giá trị tài sản được phê duyệt là 11.303.611.921.829 đồng (trong đó tài sản cố định hữu hình là 11.282.009.367.283 đồng và tài sản vô hình là 21.602.554.546 đồng). Vì vậy, nguyên giá và khấu hao của tài sản cố định đã được điều chỉnh theo quyết định này kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định phải có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên. Đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định của Thông tư này thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này. Theo đó, giá trị còn lại của các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng đã được điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vào chi phí vòng 3 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MAU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại khu đất thuộc Chung cư CC1.2 - Đơn vị ở số 1 - Khu dân cư Phước An - Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Như đã trình bày trong thuyết minh số 10, giá trị tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Quyết định số 21/QĐ - CPNT2 vào ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc phê duyệt giá trị quyết toán tài sản cố định hình thành từ vốn đầu tư của dự án Nhà máy điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	48.036.196.787	85.957.458.521
Tăng	8.202.780.043	67.911.818.707
Chuyển sang nguyên giá tài sản cố định	(53.284.599.572)	(101.456.983.619)
Vật tư thu hồi	(1.221.988.008)	-
Giảm khác	-	(4.376.096.822)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>1.732.389.250</u>	<u>48.036.196.787</u>

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm các tài sản cố định phải trải qua quá trình lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng trong năm bao gồm hệ thống quản lý bảo trì, quản lý vật tư thiết bị tài sản nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và phần mềm kế toán Sap Business One.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), chiếm 13,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco") tính đến 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài Chính, cơ sở trích lập dự phòng là báo cáo tài chính chính thức của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Sopewaco do tại ngày lập báo cáo này Ban Giám đốc chưa thu thập được báo cáo tài chính chính thức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 từ Sopewaco. Khoản lỗ lũy kế của Sopewaco đến ngày 30 tháng 9 năm 2013 là 146.301.057.800 đồng so với số vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư dài hạn nêu trên tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	1.248.482.245.061	1.479.473.770.464
Tăng	1.872.367.535	4.063.871.756
Phân bổ vào chi phí trong năm	(223.693.630.096)	(232.052.038.474)
Giảm khác	-	(3.003.358.685)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>1.026.660.982.500</u>	<u>1.248.482.245.061</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MAU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết số dư của khoản chi phí trả trước dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng	502.948.512.913	565.354.905.418
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị	307.295.161.358	339.446.126.673
Chênh lệch tỉ giá hối đoái lũy kế	192.805.589.326	319.230.309.263
Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc	13.009.375.462	14.370.355.163
Chi phí khác	10.602.343.441	10.080.548.544
	<u>1.026.660.982.500</u>	<u>1.248.482.245.061</u>

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí:

Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ.

Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 - PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ EOH. Phí huy động, phí cố định và phí biến đổi được thanh toán trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc: Các chi phí đi vay liên quan đến công tác thanh toán hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 - PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Chi phí đi vay phát sinh trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và không thuộc chi phí đầu tư dự án. Các khoản lãi vay này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

Chênh lệch tỉ giá hối đoái lũy kế phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đến thời điểm cấp chứng chỉ PAC vào ngày 16 tháng 10 năm 2011 và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ ngày Công ty được cấp chứng chỉ PAC theo như Công văn số 721/CT-TTH ban hành ngày 1 tháng 3 năm 2012 bởi Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Số dư vay ngắn hạn thể hiện nợ dài hạn đến hạn trả cho các khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như trình bày theo thuyết minh số 19

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giải trí gia tăng	11.828.286.035	-
Thuế thu nhập cá nhân	198.907.401	304.962.479
Thuế tài nguyên	1.088.342.147	1.415.965.738
Khác	64.927.412	-
	<u>13.180.462.995</u>	<u>1.720.928.217</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Báo cáo tài chính

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu	600.398.949.132	720.137.024.205
Chi phí bảo trì	93.285.331.997	91.216.572.066
Lãi vay tạm trích	16.402.014.332	18.240.826.111
Khác	7.044.597.333	6.143.002.167
	<u>717.130.892.794</u>	<u>835.737.424.549</u>

Chi phí nguyên liệu là khoản công nợ phải trả cho nguyên liệu khí dùng trong quá trình vận hành Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi chậm thanh toán phải trả		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	39.278.284.374	39.278.284.374
Thuế GTGT đầu ra tạm tính	128.427.807.727	114.505.665.198
Khác	1.440.336.083	557.662.669
	<u>169.146.428.184</u>	<u>154.341.612.241</u>

Thuế giá trị gia tăng đầu ra tạm trích căn cứ vào khoản doanh thu bán điện tạm tính và chưa xuất hóa đơn như đã nêu ở Thuyết minh số 7.

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn	8.449.314.135.904	9.336.261.881.403
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	<u>(1.137.995.154.732)</u>	<u>(1.167.641.326.901)</u>
	<u>7.311.318.981.172</u>	<u>8.168.620.554.502</u>

Tại ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 10.000.000 Euro với thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ hàng quý trong vòng 10 kỳ thanh toán. Lần trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15 tháng 12 năm 2011. Lần trả nợ cuối cùng vào ngày 15 tháng 3 năm 2014. Khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Techcombank Hồ Chí Minh tại thời điểm điều chỉnh cộng (·) với lãi suất biên theo quy định của hợp đồng, lãi suất này được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 830.158 Euro.

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010 Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank với Citibank là ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.580.981 Đô la Mỹ và 202.585.883 Euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lần lượt là 154.015.541 Euro và 168.575.863 Đô la Mỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Vào ngày ngày 20 tháng 01 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - Chi nhánh thành phố Hà Nội với hạn mức 200 tỷ đồng với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của các khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 22 kỳ, nhưng không quá ngày 24 tháng 01 năm 2023. Lãi trả nợ gốc đầu tiên của các khoản vay nêu trên vào ngày 25 tháng 6 năm 2012. Các khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Vietinbank tại thời điểm điều chỉnh cộng (-) với lãi suất biên theo quy định của hợp đồng và các lãi suất này được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Số dư nợ gốc của các khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 163.619.754.337 đồng.

Trong năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank), Chi nhánh Hà Nội với hạn mức 286.467.044.714 đồng với thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25 tháng 12 năm 2022, trong đó thời gian giải ngân chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 20 kỳ. Khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản và chịu lãi suất thả nổi. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 257.820.340.242 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.137.995.154.732	1.167.641.326.901
Trong năm thứ hai	1.114.012.067.652	1.099.476.620.524
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.342.036.357.651	3.230.263.261.649
Sau năm năm	<u>2.855.270.555.869</u>	<u>3.838.880.672.329</u>
	8.449.314.135.904	9.336.261.881.403
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(1.137.995.154.732)</u>	<u>(1.167.641.326.901)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>7.311.318.981.172</u>	<u>8.168.620.554.502</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại ngày 31/12/2013 và ngày 31/12/2012	
	Số cổ phần	VND
Cổ phần được phép phát hành	256.000.000	2.560.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	256.000.000	2.560.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2013		31/12/2012	
	VND	%	VND	%
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.607.661.500.000	62,8%	1.607.661.500.000	62,8%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	-	-	256.000.000.000	10,0%
Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	128.000.000.000	5,0%	128.000.000.000	5,0%
Tổng Công ty Điện lực - Vinacomit	128.000.000.000	5,0%	128.000.000.000	5,0%
Công ty Electric Power Development (J-Power - Nhật Bản)	128.000.000.000	5,0%	128.000.000.000	5,0%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	64.000.000.000	2,5%	64.000.000.000	2,5%
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	64.000.000.000	2,5%	64.000.000.000	2,5%
Các cổ đông khác	440.338.500.000	17,2%	184.338.500.000	7,2%
	<u>2.560.000.000.000</u>	100%	<u>2.560.000.000.000</u>	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MAU B 09-DN**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	2.560.000.000.000	163.455.502.290	19.512.572.631	34.267.331.142	2.777.235.406.063
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	543.197.367	(3.010.428.067)	(2.467.230.700)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.682.238.140	7.682.238.140
Số dư tại ngày 31/12/2012	2.560.000.000.000	163.455.502.290	20.055.769.998	38.939.141.215	2.782.450.413.503
Phân phối từ lợi nhuận	-	5.781.878.846	384.111.907	(9.159.964.444)	(2.993.973.691)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.219.216.904	8.219.216.904
Số dư tại ngày 31/12/2013	2.560.000.000.000	169.237.381.136	20.439.881.905	37.998.393.675	2.787.675.656.716

Trong năm, Công ty đã trích lập Quỹ Đầu tư Phát triển với số tiền là 384.111.907 đồng (năm 2012: 543.197.367 đồng), Quỹ Khen thưởng Phúc lợi với số tiền là 2.993.973.691 đồng (năm 2012: 2.467.230.700 đồng) và bổ sung nguồn vốn khác của chủ sở hữu với số tiền là 5.781.878.846 đồng (năm 2012: 0 đồng) theo Nghị quyết số 04/NQ-CPNT2 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 10 tháng 5 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÀU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ cũng như các niên độ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

22. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN ĐIỆN

Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức cho giá bán điện từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Doanh thu bán điện từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 và của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được ghi nhận trên cơ sở giá tạm tính theo hợp đồng số 07/2012/HĐ-NMĐ NT2 được ký vào ngày 02 tháng 5 năm 2012 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu bán điện phát sinh thêm trong giai đoạn vận hành thương mại từ ngày 16 tháng 11 năm 2011 đến ngày 30 tháng 4 năm 2012 đã được Công ty ghi nhận vào doanh thu của năm 2013 sau khi Công ty và Công ty Mua Bán Điện (EPTC) đã thống nhất giá bán điện trong giai đoạn này.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.596.410.524.600	3.362.399.579.773
Chi phí nhân công	57.422.599.160	54.447.514.186
Chi phí khấu hao tài sản cố định	982.366.934.534	977.683.863.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	480.035.945.388	455.230.363.871
Chi phí khác bằng tiền	24.063.115.996	24.512.922.627
	<u>5.140.299.119.678</u>	<u>4.874.274.243.534</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	52.961.657.839	87.169.525.846
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.027.036	8.255.867.439
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
	<u>52.969.684.875</u>	<u>95.425.393.285</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền vay	266.407.208.913	353.639.672.404
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá trong quá trình xây dựng cơ bản	126.424.719.937	135.102.477.615
Phi bảo hiểm khoản vay	62.406.392.505	60.393.283.080
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	280.693.405.522	56.423.252.789
Phi bảo lãnh chính phủ cho khoản vay	22.765.155.566	26.461.388.888
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	11.140.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.163.264.621	7.999.099.241
Khác	4.719.135.537	7.210.757.795
	<u>786.579.282.601</u>	<u>658.369.931.812</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MAU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013			2012
	Hoạt động chính VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND	Tổng VND
Lợi nhuận trước thuế	133.513.658.973	(125.294.442.069)	8.219.216.904	7.682.238.140
Cộng: Các chi phí không được khấu trừ	156.000.000	-	156.000.000	401.439.416
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(156.120)	-	(156.120)	-
Thu nhập chịu thuế	133.669.502.853	(125.294.442.069)	8.375.060.784	8.083.677.556
Khấu trừ lỗ từ hoạt động chính	(125.294.442.069)	125.294.442.069	-	-
Thu nhập chịu thuế	8.375.060.784	-	8.375.060.784	8.083.677.556
Thuế suất	0%	25%	0%	0%
Chi phí thuế hiện hành	-	-	-	-

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 25% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ hai Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và là năm thứ ba được miễn thuế (năm đầu tiên là năm 2011).

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận sau thuế	8.219.216.904	7.682.238.140
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.219.216.904	7.682.238.140
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	256.000.000	256.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	30

28. CAM KẾT BÁN HÀNG

Công ty đã ký kết với Công ty Mua bán điện (EPTC) hợp đồng bán điện số 07/2012/HĐ-NMD vào ngày 06 tháng 7 năm 2012. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều độ của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua bán điện (EPTC) trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày Nhà máy điện Nhơn Trạch chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐÀU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, vốn khác của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2013 VND	2012 VND
Các khoản vay	8.449.314.135.904	9.336.261.881.403
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(57.246.674.887)	(51.718.618.432)
Nợ thuần	8.392.067.461.017	9.284.543.262.971
Vốn chủ sở hữu	2.787.675.656.716	2.782.450.413.503
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>3,01</u>	<u>3,34</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	57.246.674.887	51.718.618.432
Dầu tư ngắn hạn	246.461.181.788	494.830.189.800
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.434.736.933.554	1.326.002.775.230
Kỳ quỹ ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	38.782.753.000	38.782.753.000
Tổng cộng	<u>1.777.237.543.229</u>	<u>1.911.344.336.462</u>

Công nợ tài chính

Vay ngắn hạn	1.137.995.154.732	1.167.641.326.901
Phải trả người bán và phải trả khác	196.183.836.907	509.300.303.030
Chi phí phải trả	717.130.892.794	835.737.424.549
Vay dài hạn	7.311.318.981.172	8.168.620.554.502
Tổng cộng	<u>9.362.628.865.605</u>	<u>10.681.299.608.982</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÀU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô La Mỹ (USD)	9.020.373	66.745.741	3.554.422.072.408	3.982.916.607.965
Euro (EUR)	1.148.368	5.619.530	4.473.451.968.917	4.902.166.840.838

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	106.632.391.561	119.485.495.867
Euro (EUR)	134.203.524.616	147.064.836.639
Tổng cộng	240.835.916.177	266.550.332.506

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MAU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu do bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam phát sinh trong năm 2013. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 30.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	57.246.674.887	-	-	57.246.674.887
Đầu tư ngắn hạn	246.461.181.788	-	-	246.461.181.788
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.434.736.933.554	-	-	1.434.736.933.554
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	-	-	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	-	38.782.753.000	38.782.753.000
Tổng cộng	1.738.454.790.229	-	38.782.753.000	1.777.237.543.229
Tại ngày 31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Vay ngắn hạn	1.137.995.154.732	-	-	1.137.995.154.732
Phải trả người bán và phải trả khác	196.183.856.907	-	-	196.183.856.907
Chi phí phải trả	717.130.892.794	-	-	717.130.892.794
Vay dài hạn	-	4.456.048.425.303	2.855.270.555.869	7.311.318.981.172
Tổng cộng	2.051.309.884.433	4.456.048.425.303	2.855.270.555.869	9.362.628.865.605
Chênh lệch thanh khoản thuần	(312.855.094.204)	(4.456.048.425.303)	(2.816.487.802.869)	(7.585.391.322.376)

Vay ngắn hạn	1.167.641.326.901	-	-	1.167.641.326.901
Phải trả người bán và phải trả khác	509.300.303.030	-	-	509.300.303.030
Chi phí phải trả	835.737.424.549	-	-	835.737.424.549
Vay dài hạn	-	4.329.739.882.173	3.838.880.672.329	8.168.620.554.502
Tổng cộng	2.512.679.054.480	4.329.739.882.173	3.838.880.672.329	10.681.299.608.982
Chênh lệch thanh khoản thuần	(640.117.471.018)	(4.329.739.882.173)	(3.800.897.919.329)	(8.769.955.272.520)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	Cổ đông
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	Cổ đông
Công ty Mua bán điện (EPTC) - EVN	Công ty thuộc EVN
Tổng Công ty khí Việt Nam	Công ty thuộc PVN
Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí VN	Công ty thuộc PVN
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía nam	Công ty thuộc PVN
TCT Bảo hiểm PVI	Công ty thuộc PVN
Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Đông Nam Bộ	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Dầu nhớt PVOIL	Công ty thuộc PVN
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam - Trung tâm	
Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí	Công ty thuộc PVN
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc PVN
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty thuộc PVN
TCT Công nghệ Năng lượng Dầu khí	Công ty thuộc PVN
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	Công ty thuộc PVN

26

phải nộp ngắn hạn khác 319 39.835.947.043 154.341.7612.241 (114.505.665.198)

Lê Văn Tú
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng

Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MAU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	51.738.618.432	-	-	51.738.618.432
Đầu tư ngắn hạn	494.830.189.800	-	-	494.830.189.800
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.326.002.775.230	-	-	1.326.002.775.230
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	-	-	10.000.000
Phải thu đãi hạn khác	-	-	38.782.753.000	38.782.753.000
Tổng cộng	1.872.561.583.462	-	38.782.753.000	1.911.344.336.462
Tại ngày 31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Vay ngắn hạn	1.167.641.326.901	-	-	1.167.641.326.901
Phải trả người bán và phải trả khác	509.300.303.030	-	-	509.300.303.030
Chi phí phải trả	835.737.424.549	-	-	835.737.424.549
Vay dài hạn	-	4.329.739.882.173	3.838.880.672.329	8.168.620.554.502
Tổng cộng	2.512.679.054.480	4.329.739.882.173	3.838.880.672.329	10.681.299.608.982
Chênh lệch thanh khoản thuần	(640.117.471.018)	(4.329.739.882.173)	(3.800.097.919.329)	(8.769.955.272.520)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam
Công ty Mua bán điện (EPTC) - EVN
Tổng Công ty khí Việt Nam
Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí VN
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía nam
TCT Bảo hiểm PVI
Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Đồng Nai Bộ
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam - Trung tâm
Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí
Công ty Cổ phần tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
TCT Công nghệ Năng lượng Dầu khí
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí

Mối quan hệ

Cổ đồng
Cổ đồng
Công ty thuộc EVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN
Công ty thuộc PVN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Báo cáo tài chính

Tỉnh Đồng Nai, CBXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MAU B.09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua bán điện (EPTC) - EVN	<u>5.880.997.656.450</u>	<u>5.450.714.689.686</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	3.651.959.348.016	3.183.811.858.533
Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	370.858.285.230	357.036.996.828
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía nam	6.103.617.879	55.938.686.519
TCT Bảo hiểm PVI	47.997.772.472	45.779.959.520
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	9.722.679.400	5.505.803.124
Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	3.470.338.296	4.069.167.580
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Đồng Nam Bộ	1.984.140.000	3.219.300.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	641.755.692	2.042.651.588
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí	-	1.706.138.953
Công ty Cổ phần tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí	73.854.047	1.944.175.918
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam	76.822.381	452.563.841
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	910.731.471	832.013.235
TCT Công nghệ Năng lượng Dầu khí	<u>805.588.654</u>	-
Thu nhập tài chính		
Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	<u>15.060.567.769</u>	<u>12.822.970.530</u>
Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:		
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>5.378.790.311</u>	<u>4.568.741.877</u>
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trả trước nhà cung cấp		
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía nam	-	5.502.144.615
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Đồng Nam Bộ	-	712.188.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	-	323.278.068
Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí VN	<u>12.582.927.176</u>	-

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Phụ lục : Lý lịch tóm tắt Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Ông Hoàng Xuân Quốc	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	22/12/1957
Nơi sinh	Hà Nội
CMND	010424139 Ngày cấp: 14/11/2005 Nơi cấp: Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ
Quá trình công tác	
Từ năm 1975 – 1977	Đi bộ đội
Từ năm 1977 – 1982	Sinh viên trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
Từ năm 1982 – 1995	Giảng viên trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
Từ năm 1995 – 2001	Cán bộ thuộc Bộ máy điều hành – Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (Nay là Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam)
Từ năm 2001 – 2004	Phó trưởng Ban QLDA cụm Khí - Điện – Đạm Cà Mau, trực tiếp phụ trách dự án nhà máy điện Cà Mau (2x750MW) tuabin khí chu trình hỗn hợp – Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam
Từ năm 2004 – 2006	Phó Trưởng Ban CBĐTCT Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn
Từ năm 2006 – 2007	Phó Trưởng Ban Khí - Điện Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Từ tháng 7/2007 – nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Điện Lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số CP nắm giữ :	25.610.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	25.600.000 cổ phần

2. Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	06/02/1972
Nơi sinh	Đồng Tháp
CMND	'023836671 Ngày cấp: 31/08/2000 Nơi cấp: TPHCM
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hệ thống điện
Quá trình công tác	
Từ năm 1993 – 1998	Kỹ sư điện phòng Kỹ thuật - Công ty Khảo sát Thiết kế điện 2 (Nay là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2-Pecc 2)
Từ năm 1998 – 1999	Tổ trưởng tổ điện, Phòng Thiết kế Nhiệt điện Pecc 2
Từ năm 1999 – 2004	Phó Ban tư vấn Phú Mỹ - Pecc 2
Từ năm 2005 – 2007	Phó Ban tư vấn Nhiệt Điện 3 – Pecc 2
Từ năm 2007 – 2008	Phó Phòng Dự án, Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Từ năm 2008 – 2011	Trưởng phòng Dự án Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty)
Từ năm 2011 – nay	Phó Tổng giám đốc Công ty
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số CP nắm giữ đến thời điểm hiện nay	2.000 cổ phần, chiếm 0,0008% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	2.000 cổ phần
3. Ông Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	15-01-1972
Nơi sinh	Quảng Ngãi
CMND	273366181 Ngày cấp: 12/12/2007 Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ công nghệ và quản lý
Quá trình công tác	

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

Từ năm 1996 - 1998	Chuyên viên Ban Quản lý Dự án nhà máy điện Phú Mỹ-Bà Rịa
Từ 06/1998 - 2006	Trưởng ca vận hành Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
Từ 2006 - 7/2007	Phó Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
Từ 8/2007 – 6/2009	Quản đốc phân xưởng vận hành Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
Từ 7/2009 – 11/2010	Phó Tổng giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
Từ 12/2010 đến nay	Phó Tổng giám Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số CP nắm giữ đến thời điểm hiện nay	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
4. Ông Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	05-10-1966
Nơi sinh	Quảng Bình
CMND	273500179; Ngày cấp: 14/07/2009; Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ Sư
Quá trình công tác	
Từ năm 1991 - 1993	Cán bộ kỹ thuật xí nghiệp thuốc lá Quảng Bình Phó bí thư Đoàn cơ sở xí nghiệp
Từ năm 1993 – 1996	Phụ trách kỹ thuật xí nghiệp nước khoáng ban Quảng Bình, Bí thư chi đoàn xí nghiệp
Từ năm 1996 – 2000	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban QLDA Khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam-nay là Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam
Từ năm 2000 – 2001	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban chuẩn bị đầu tư cụm khí điện đạm Cà Mau
Từ năm 2001 – 2004	Tổ trưởng cơ khí Phòng Dự án Đạm, Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau

Từ năm 2004 – 2006	Phó Phòng Chuẩn bị sản xuất – đào tạo, Ban QLDA Khí Điện đạm Cà Mau
Từ năm 2006 – 2007	Trưởng Phòng Chuẩn bị sản xuất – đào tạo, Ban QLDA Khí Điện đạm Cà Mau. Bí thư chi bộ Chuẩn bị sản xuất – đào tạo
Từ năm 2007 – 2010	Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Đào tạo, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2
Từ năm 2010 – nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số CP nắm giữ đến thời điểm hiện nay	5.000 cổ phần, chiếm 0.0020% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	5.000 cổ phần
5. Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	19-12-1977
Nơi sinh	Quảng Bình
CMND	025312531; Ngày cấp: 28/05/2010; Nơi cấp: Công an TP. HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ Sư, Thạc sỹ
Quá trình công tác	
Từ năm 2000 – 2004	Cán bộ kỹ thuật Tổng công ty Công trình Giao thông 5
Từ năm 2005 – 2005	Tổ trưởng Tổ xây dựng thuộc phòng dự án khí – Ban Quản lý khí điện đạm Cà Mau – PVN
Từ năm 2007 – 2008	Phó phòng Dự án, Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Từ năm 2009 – 2011	Trưởng phòng Xây dựng, Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Từ năm 2011 – 2013	Trưởng phòng Xây dựng kiêm Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Từ năm 2013 – nay	Phó Giám đốc Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

6. Ông Nguyễn Hữu Minh	Kế toán trưởng công ty
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	13/07/1971
Nơi sinh	Thanh Hóa
CMND	024792705 Ngày cấp: 07/01/2008 Nơi cấp: Tp.HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
T9/1993– T5/1994	Nhân viên kế toán Công ty Chế biến nông sản xuất khẩu Thanh hóa
T6/1994 – T9/1997	Kiểm soát viên thuế Cục thuế tỉnh Thanh hóa
T2/1998 -T10/1999	Kế toán ban điều hành dự án kiến thiết cơ bản mỏ Nhà máy xi măng Nghi Sơn.
T11/1999 – T01/2001	Phụ trách kế toán Xí nghiệp xây dựng kỹ thuật hạ tầng – Công ty Xây dựng và SXVLXD.
Từ tháng 01/2001 – 04/2001	Nhân viên kế toán Cty XD&SXVLXD- CC1
Từ tháng 05/2004 – 10/2007	Phó Phòng TCKT Cty XD &SXVLXD- CC1
Từ tháng 11/2007 – 12/2007	Nhân viên KT Ban QLDA Điện Nhơn Trạch
Từ tháng 12/2007 – 01/2008	Phó phòng TCKT Ban QLDA Điện Nhơn Trạch
Từ tháng 01/2008 – 04/2009	Phó phòng TCKT – Công ty Tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí 2
Từ tháng 4/2009 – 6/2010	Kế toán trưởng - Công ty Tư vấn QLDA Điện lực Dầu khí 2
Từ tháng 06/2010 – nay	Kế toán trưởng – Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số CP nắm giữ đến thời điểm hiện nay	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu	0 cổ phần
+ Cá nhân sở hữu	0 cổ phần